

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ KẾT HỢP ĐẤU TRANH QUÂN SỰ VÀ NGOẠI GIAO TRONG CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: ntthuyenhue@yahoo.com.vn

Ngày nhận bài: 24/6/2020; ngày hoàn thành phản biện: 30/6/2020; ngày duyệt đăng: 02/7/2020

TÓM TẮT

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà chiến lược quân sự thiên tài, người Cha của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, đồng thời là người sáng lập nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Người để lại cho chúng ta những bài học quý giá về nghệ thuật vận dụng và kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao đã thể hiện sự linh hoạt sáng tạo, mềm dẻo nhưng kiên định, khôn khéo trong sách lược và chiến lược của Hồ Chí Minh, góp phần đánh bại các thủ đoạn chiến tranh của kẻ thù, hướng đến mục tiêu giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Từ khoá: Hồ Chí Minh, quân sự, ngoại giao.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, nhà chiến lược quân sự thiên tài, người Cha thân yêu của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, đồng thời là người sáng lập nền ngoại giao Việt Nam hiện đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nền ngoại giao Việt Nam đã trưởng thành và lớn mạnh cùng với sự phát triển của cách mạng Việt Nam, đóng góp xứng đáng vào những thành công của cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ để lại cho thế hệ sau những di sản tư tưởng đối với từng lĩnh vực quân sự và ngoại giao mà còn để lại cho chúng ta những bài học quý giá về nghệ thuật vận dụng và kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Trong bài viết này, tác giả tập trung làm rõ tư Hồ Chí Minh về kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao.

Đứng trên quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử - cụ thể, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá đúng vị trí, vai trò của mặt trận quân sự, ngoại giao và mối liên hệ biện chứng giữa quân sự và ngoại giao trong cách mạng với mục tiêu đạt kết quả cao nhất. Đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao là hai trong ba mặt trận đấu tranh cơ bản của cách mạng Việt Nam, thắng lợi về quân sự là điều kiện quan trọng quyết định

thắng lợi về ngoại giao, vì người ta chỉ nhận được những gì trên bàn đàm phán tương đương với những gì đạt được trên chiến trường. Nói về tác động của quân sự tới đàm phán ngoại giao, Người chỉ rõ: *“Những thắng lợi của ta làm cho nhân dân ta và nhân dân thế giới phấn khởi, làm cho địa vị ngoại giao của ta ở Genève vững chắc, những thắng lợi của ta buộc địch phải nói chuyện với ta”* [5, tr. 548 – 549].

Sự phối hợp giữa đấu tranh quân sự và ngoại giao thể hiện ở chỗ tùy vào từng điều kiện và hoàn cảnh của cách mạng mà sử dụng một cách linh hoạt, có thời kỳ kết hợp song song cả hai hình thức, tùy thuộc vào tình hình cụ thể trong mối tương quan lực lượng giữa ta và địch, Người quán triệt: *“Ngoại giao chỉ thắng lợi khi cách mạng ta thắng lợi”*. Sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao đã được quán triệt và thể hiện rất đậm nét ở tất cả các giai đoạn của cách mạng nước ta.

Ngay sau khi cách mạng tháng Tám thành công, thách thức đối với cách mạng Việt Nam lúc này là phải đối phó cùng lúc với nhiều thế lực. Ở phía Bắc, từ vĩ tuyến 16 trở ra, gần 20 vạn quân Trung Hoa Dân Quốc kéo vào với danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật đã mang theo nhiều nhóm người Việt lưu vong thuộc các tổ chức phản động, ráo riết thực hiện âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ”. Ở miền Nam, từ vĩ tuyến 16 trở vào hơn 2 vạn quân Anh, núp sau là quân Pháp âm mưu trở lại xâm lược nước ta. Ngày 23-9-1945, quân Pháp nổ súng đánh chiếm trụ sở Ủy ban nhân dân Nam Bộ tại Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Không dừng ở đó, Pháp còn đàm phán với Trung Hoa Dân Quốc để thay chân Trung Hoa Dân Quốc ở Bắc Bộ. Sau khi đạt được thỏa ước với Trung Hoa Dân Quốc, Pháp liên tục gây hấn, tìm có phát động chiến tranh để cướp Việt Nam một lần nữa.

Đứng trước hoàn cảnh khó khăn này, Hồ Chí Minh đã sử dụng ngoại giao như một vũ khí sắc bén để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ chính quyền nhân dân, phục vụ kháng chiến, kiến quốc. Những dấu ấn đậm nét nhất của nền ngoại giao dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giai đoạn này là đối phó với 4 đạo quân nước ngoài có mặt ở Việt Nam, ứng xử tài tình với 5 nước lớn cùng một lúc; trong đó, trung lập hóa Mỹ, tránh xung đột với quân Anh, quân Trung Hoa Dân Quốc và tập trung lực lượng kiên quyết chống Pháp xâm lược. Khi Trung Hoa Dân Quốc và Pháp thỏa hiệp cho phép Quân đội Pháp ra miền Bắc, Việt Nam tiến hành đấu tranh ngoại giao theo sách lược “hòa để tiến” nhằm kéo dài thời gian để củng cố lực lượng, chuẩn bị kháng chiến lâu dài vì nền độc lập và thống nhất Tổ quốc, nhờ đó góp phần quan trọng để bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng vừa mới ra đời. Điểm nổi bật trong ngoại giao với Pháp được Người chỉ rõ lúc này: *“Đối với Pháp, độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế”* [2, tr. 27]. Khi chính quyền Trung Hoa Dân Quốc và Chính phủ Pháp ký thỏa ước Trùng Khánh ngày 28-2-1946, đồng ý cho Quân đội Pháp thay thế quân Trung Hoa Dân Quốc ở miền Bắc dưới danh nghĩa giải giáp Quân đội Nhật, ngày 3-3-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhận định: *“Hiệp ước Hoa - Pháp không phải là chuyện riêng của Tàu và Pháp... Dù nhân dân Đông Dương muốn hay*

không muốn, nhất định chúng cũng thi hành Hiệp ước ấy” [3, tr. 41]. Từ đó, Đảng ta kịp thời đề ra sách lược “hòa để tiến” với Pháp. Triển khai quyết sách ấy, thông qua các biện pháp ngoại giao, chính phủ ta đã ký kết với Pháp hai văn kiện hết sức quan trọng là Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946. Ta nhân nhượng với Pháp một số điều kiện là nhằm kéo dài thời gian hòa hoãn, củng cố và chuẩn bị lực lượng, nhưng không thỏa hiệp các vấn đề nguyên tắc về độc lập và thống nhất quốc gia đây là phương châm “Đĩ bất biến, ứng vạn biến” trong phương pháp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh để xử lý các vấn mang tính sách lược. Trong bối cảnh đất nước khó khăn, khi thế và lực của ta còn yếu, vận dụng nhuần nhuyễn phương châm “đĩ bất biến, ứng vạn biến”, tư ngoại giao Hồ Chí Minh đã hết sức linh hoạt, sáng tạo trong xử lý các tình huống, góp phần tích cực trong bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng ngay từ những ngày đầu.

Song song với đấu tranh ngoại giao, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã quan tâm chỉ đạo cuộc đấu tranh quân sự ở miền Nam trước sự khiêu khích của kẻ địch. Các hoạt động đấu tranh quân sự ở miền Nam đã tạo nên bức thành đồng kiên cố và phá vỡ âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp ở miền Nam, buộc kẻ xâm lược phải tính tới việc đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh. Cuộc chiến đấu của đồng bào miền Nam đã hỗ trợ cho các hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh trong quyết định ký kết Hiệp định sơ bộ 6-3-1946, giữ vững lập trường của Việt Nam tại các Hội nghị đàm phán Việt – Pháp cũng như Hội nghị Fontainebleau và các hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh trên đất Pháp.

Với chiến thắng quân sự Biên giới Thu – Đông 1950, Việt Nam đã khai thông vùng giải phóng nối liền với Trung quốc, ngày 18/01/1950 đã đi vào lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc như một mốc son quan trọng. Sau khi được thành lập không lâu, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là quốc gia đầu tiên trên thế giới thiết lập quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tiếp đến, với quan điểm Việt Nam “sẵn sàng làm bạn với các nước dân chủ và không gây thù oán với một ai” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngoại giao Việt Nam đã mở ra bước ngoặt mới. Từ đây, bằng các hoạt động ngoại giao, Việt Nam đã thiết lập quan hệ với các nước châu Âu và châu Á, Việt Nam thực sự mở ra cửa ra thế giới. Chỉ trong thời gian ngắn, đã có 10 nước công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đặt quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ. Bằng sự ủng hộ về tinh thần và vật chất của nhân dân thế giới, thế và lực cuộc kháng chiến chuyển biến vô cùng nhanh chóng và dẫn tới chiến thắng Điện Biên Phủ. Chiến thắng quân sự có tính chất quyết định này đã buộc Pháp và can thiệp Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán ký kết Hiệp định Genève chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương (7/1954).

Sau năm 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động xây dựng và thực hiện các hoạt động ngoại giao góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam. Lúc này, các quan hệ quốc tế mới được xác lập, quan hệ hợp tác toàn diện và chiến lược với các nước xã hội

chủ nghĩa được tăng cường. Tuy nhiên, tình hình trong nước gặp nhiều khó khăn, ở miền Nam, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn công khai phá hoại Hiệp định Genève, phá hoại hiệp thương Tổng tuyển cử. Vì vậy, cuộc đấu tranh ngoại giao đòi đối phương thi hành Hiệp định đã góp phần kiềm chế hành động chiến tranh của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, góp phần dẫn đến thắng lợi phong trào Đồng Khởi(1959 – 1960).

Tháng 12-1960, khi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, các hoạt động ngoại giao của hai miền Bắc - Nam với phương châm “tuy hai mà là một, tuy một mà hai” đã góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của toàn dân tộc. Đặc biệt, ta đã mở ra cục diện “vừa đánh vừa đàm”, phát huy tối đa hiệu quả của những thắng lợi ở chiến trường trên bàn đàm phán. Những cuộc đấu trí cam go trên bàn đàm phán giữa các nhà chính trị, ngoại giao Việt Nam với các đối thủ sừng sỏ, lão luyện đến từ nền ngoại giao nhà nghề hàng đầu thế giới đã khẳng định bản lĩnh và trí tuệ của nền ngoại giao cách mạng Việt Nam.

Tháng 12-1965, tại Hội nghị Trung ương 12 (khóa III), Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng chỉ rõ: “ta phải giữ vững quyết tâm chiến lược, đồng thời áp dụng sách lược đấu tranh chính trị và ngoại giao khôn khéo để phối hợp với đấu tranh quân sự, chủ động tiến công địch”[11, tr.310]. Tiếp đến tháng 1-1976, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 13, Đảng Lao động Việt Nam nhất trí đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao: “Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị những cái mà chúng ta đã giành được trên chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ngoại giao không chỉ đơn thuần phản ánh cuộc đấu tranh trên chiến trường, mà trong tình hình quốc tế hiện nay với tính chất cuộc chiến tranh giữa ta và địch, đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động”[3, tr.174]. Thực hiện chủ trương đấu tranh ngoại giao mới, Việt Nam đề ra khẩu hiệu mang tính sách lược: chỉ sau khi Hoa Kỳ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh chống lại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Mỹ có thể nói chuyện được.

Song song với đòn đấu tranh ngoại giao, Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên quân và dân cả nước đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, kết hợp chiến tranh du kích khắp nơi với những đòn đánh quyết định của quân chủ lực và nổi dậy của đông đảo quần chúng nhân dân, kết hợp quân sự và ngoại giao, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Còn trên các chiến trường, Đảng đề ra phương châm: kéo địch ra khỏi hang ổ mà đánh, căng địch ra mà đánh, luồn sâu vào hậu phương địch mà đánh. Vì thế, ta càng đánh càng mạnh, càng đánh càng dồn Mỹ và chính quyền Sài Gòn vào thế bị động đối phó, khiến đối phương lần lượt thất bại cả hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 ở miền Nam và thất bại trong cuộc leo thang phá hoại bằng không quân, hải quân ra miền Bắc. Tháng 12/1967, Bộ Chính trị đã họp đánh giá tình hình tương quan lực lượng trên chiến trường và khả năng phát triển của cách mạng. Bộ Chính trị đã kết luận: “...Diễn biến cơ

bản của tình hình là ta đang ở thế thắng, thế chủ động và thuận lợi, địch đang ở thế thua, thế bị động và khó khăn. Tình hình chung cho phép ta có thể chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của ta sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định” [10, tr. 406]. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy diễn ra tại 4 thành phố lớn, 44 thị xã, quận lỵ và hàng trăm thị trấn ở miền Nam. Thắng lợi của cách mạng Việt Nam đã làm đảo lộn thế trận của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở chiến trường miền Nam, làm rung chuyển nước Mỹ, đánh bại ý chí giành chiến thắng bằng quân sự của giới cầm quyền Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam; buộc Mỹ phải ngừng ném bom miền Bắc, trừ khu phi quân sự; ngày 13-5-1968, Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán ở Paris về Việt Nam, mở đầu cho một thời kỳ đấu tranh ngoại giao sôi động, đạt tới đỉnh cao trong việc sử dụng nghệ thuật vừa đánh, vừa đàm.

Đầu năm 1969, sau khi thắng cử, một mặt, Tổng thống Richard Nixon ra “Học thuyết Nixon” và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, mặt khác, để cô lập cuộc kháng chiến của nhân Việt Nam và tạo thế mạnh cho Mỹ trong việc mặc cả với Việt Nam trên bàn đàm phán, Mỹ đã cải thiện quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc. Suốt quá trình đàm phán, Mỹ luôn đòi “hai bên cùng rút quân” nhưng không được Việt Nam chấp nhận, nên ngày 10-11-1971, Mỹ phải gác yêu sách phi lý này. Sau ba năm kiên trì đấu tranh, kết hợp vừa đánh vừa đàm, Việt Nam đã buộc Mỹ đơn phương rút gần 40 vạn quân về nước. Về phía Việt Nam, những thắng lợi trong mùa khô 1969 - 1970 và 1970 - 1971 tạo điều kiện cho ta mở cuộc tiến công chiến lược Xuân - Hè 1972, khiến Mỹ và chính quyền Sài Gòn hoàn toàn bất ngờ, sụp đổ từng mảng, đặc biệt ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị, khu vực Bắc Kon Tum và thị trấn Lộc Ninh ở miền Đông Nam Bộ, tạo thời cơ, điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh chính trị và ngoại giao, đưa đàm phán Paris đi vào bước mới từ tháng 7-1972. Thế nhưng, với bản chất ngoan cố, tráo trở và hy vọng giành thế chủ động trên bàn đàm phán để có thể rút quân trong thế thắng, từ ngày 18 đến ngày 30-12-1972, chính quyền Nixon điên cuồng đánh phá Hà Nội, Hải Phòng và nhiều thành phố, xí nghiệp ở miền Bắc. Tuy nhiên, do Chủ tịch Hồ Chí Minh dự báo từ trước (trước khi Người mất vào tháng 9 - 1969) nên Việt Nam đã có sự chủ động về chiến lược vì vậy đã đánh bại cuộc tập kích đường không của Mỹ, hạ gục uy thế của “không lực Hoa Kỳ”, làm nên chiến thắng “Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không” chấn động nước Mỹ và thế giới, buộc Mỹ phải nối lại đàm phán và ngày 27-1-1973 đã ký kết Hiệp định Paris, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ mặt trận quân sự và ngoại giao đã buộc Mỹ phải dần xuống thang, đi vào đàm phán theo các điều kiện của ta, ký Hiệp định hòa bình Paris tháng 01-1973 và rút quân khỏi Việt Nam trong khi các lực lượng cách mạng vẫn được ở lại miền Nam. Hội nghị Paris đã kéo dài trong hơn 3 năm, trong các phiên họp chính thức, cũng như trong các cuộc đàm phán “hành lang”, các nhà ngoại giao Việt Nam đã khiến cho kẻ địch phải kính nể về tính kiên trì, sự khôn khéo trong đấu

tranh. Qua đó, ta đã thực hiện đúng chủ trương mà Đảng và Hồ Chí Minh đề ra là “đánh cho Mỹ cút” để tiến tới “đánh cho ngụy nhào”. Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là một trang sử chói lọi của ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Như vậy, dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam luôn phối hợp đấu tranh hiệu quả mặt trận ngoại giao và quân sự huy động được sức mạnh của ngoại giao Nhà nước với ngoại giao nhân dân và hoạt động quốc tế của Đảng phục vụ cho cuộc chiến của cách mạng Việt Nam. Thắng lợi trên chiến trường là cơ sở cho thắng lợi ở bàn đàm phán và hoạt động ngoại giao phát huy thắng lợi quân sự trong đàm phán tạo ra thế và lực mới cho toàn bộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn cho rằng, ngoại giao chỉ phát huy vai trò và công dụng trên cơ sở thực lực dân tộc, trên nền tảng sức mạnh tổng hợp của đất nước từ mọi phương diện: kinh tế, chính trị, quân sự... Người viết: “Nếu tự mình không có thực lực làm cơ sở thì không thể nói gì đến ngoại giao” [6, tr. 488]. Người còn ví dụ: “Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn” [7, tr. 147]. Có nghĩa là, thắng lợi ngoại giao lớn hay nhỏ, hoạt động ngoại giao thuận lợi hay khó khăn tùy thuộc vào thực lực của dân tộc, đất nước. Thực tế đã chứng minh quan điểm đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đúng đắn. Rõ ràng, nếu không có những chiến thắng to lớn của quân và dân ta trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp thì không thể có Hội nghị và Hiệp định Genève về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương năm 1954. Trong kháng chiến chống Mỹ, Người nói: “Bây giờ nội trong nước ta cứ đánh cho thắng, thì ngoại giao dễ làm ăn” [8, tr. 61]. Sự liên kết chặt chẽ giữa quân sự và ngoại giao dẫn đến yêu cầu phải phối hợp nhịp nhàng các hoạt động đó trong một cuộc đấu tranh. Nếu không có thắng lợi của quân và dân hai miền Nam - Bắc, nhất là thắng lợi của trận “Điện Biên Phủ trên không” vào cuối năm 1972, thì không có thắng lợi của Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, năm 1973. Trước đó, Người đã tổng kết: “Ngoại giao ở Hội nghị Genève thắng lợi là vì Điện Biên Phủ đánh thắng lớn. Bây giờ cũng thế, đánh thắng lợi thì ngoại giao thắng nhiều. Không cứ gì ở ta mà ở nước nào cũng vậy. Cố nhiên ngoại giao là rất quan trọng, nhưng cái vốn chính là mình phải đánh thắng và mình phải có sức mạnh thì ngoại giao sẽ thắng” [9, tr. 60-61]. Mặt khác, thắng lợi trên mặt trận ngoại giao sẽ tạo tiền đề để tăng cường thực lực cách mạng, tạo “thế” cho đất nước.

Có thể nói, với sự kết hợp giữa đấu tranh ngoại giao và quân sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có những cống hiến to lớn, góp phần đánh bại các thủ đoạn chiến tranh của kẻ thù. Nghệ thuật đấu tranh kết hợp quân sự và ngoại giao dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng bước tạo ra thế và lực mới, tác động trở lại trên chiến trường, góp phần làm nên thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam. Nghệ thuật vừa đánh vừa đàm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thể hiện sự linh hoạt sáng tạo, mềm dẻo nhưng kiên định, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa thực lực và dư luận; thể hiện khôn khéo về sách lược và chiến lược, góp phần quy tụ được sức mạnh của dân tộc với sức

mạnh thời đại, đề bẹp ý chí xâm lược của Mỹ và chính quyền Sài Gòn hướng đến mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Ngoại giao (2002). *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 28, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. tr. 174.
- [4]. Học viện Quan hệ quốc tế (2001). *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập, tự do (1945 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập*, Tập 8, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [6]. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập*, Tập 3 Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [7]. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [8]. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập*, Tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [9]. Học viện Quan hệ quốc tế (2001). *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập, tự do (1945 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Những sự kiện lịch sử Đảng (1985), tập III, Nhà xuất bản Thông tin lý luận, Hà Nội, trang.406.
- [11]. Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1995). *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1954 - 1975*, Tập 2, Nxb . Chính trị quốc gia, Hà Nội.

HO CHI MINH'S IDEOLOGY ON COMBINATION BETWEEN MILITARY AND DIPLOMATIC STRUGGLES IN THE VIETNAMESE REVOLUTION

Nguyen Thi Thanh Huyen

University of Sciences, Hue University

Email: ntthuyenhue@yahoo.com.vn

ABSTRACT

President Ho Chi Minh, a genius military strategist, is not only the founder and trainer of the Vietnam People's Armed Forces but also the founder of Vietnam's diplomacy. He left behind the valuable lessons on the art of applying and combining military and diplomatic struggles in the process of the Vietnamese

revolution. The combination of military and diplomatic struggles has shown creative flexibility but firmness, clever expression of policy and strategy, contributing to defeating the war tactics of . the enemy, towards the goal of struggling to liberate the South and reunify the Fatherland.

Keywords: diplomacy, Ho Chi Minh, military.



Nguyễn Thị Thanh Huyền sinh ngày 27/12/1980. Bà tốt nghiệp cử nhân Sử học năm 2003, tốt nghiệp Thạc sĩ năm 2008, bảo vệ Luận án Tiến Sĩ năm 2016. Từ năm 2003 đến nay, bà là giảng viên tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Triết học